

Số: 46 /BC-HĐPTNL

Kon Tum, ngày 15 tháng 4 năm 2014

### BÁO CÁO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	
Số:	2219
Ngày:	18/4/14
Địa điểm:	Kon Tum

Tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020 trong thời gian qua và phương hướng thực hiện Quy hoạch thời gian tới

Căn cứ Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng Phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-HĐPTNL ngày 07 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020;

Hội đồng Phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum báo cáo tình hình thực hiện Quy hoạch Phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020 trong thời gian qua và phương hướng thực hiện thời gian tới, như sau:

#### I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

##### 1. Công tác chỉ đạo, điều hành; tuyên truyền thực hiện Quy hoạch

###### 1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Căn cứ Kế hoạch số 1322/KH-UBND ngày 25/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020 và đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội giai đoạn 2011 - 2015 theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 30/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 32/TB-VPCP ngày 17/01/2013 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân tại phiên họp thường kỳ của Ban chỉ đạo quốc gia thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực và Đào tạo theo nhu cầu xã hội; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 về việc thành lập Hội đồng Phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020. Theo đó, Chủ tịch Hội đồng đã ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020 (Quyết định số 107/QĐ-HĐPTNL ngày 07/ 11/2013).

###### 1.2. Về tuyên truyền thực hiện Quy hoạch

Thời gian qua các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền Quy hoạch Phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011 - 2020 và các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực như: Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011 của Thủ tướng Chính

phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020; Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020; Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp - nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chính sách của tỉnh về: thu hút nhân tài tốt nghiệp đại học, sau đại học loại khá, giỏi về công tác tại tỉnh; cử tuyển và sử dụng sinh viên cử tuyển sau tốt nghiệp về công tác tại tỉnh. Qua đó góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người dân trên địa bàn tỉnh trong công tác phát triển nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội.

## **2. Tình hình triển khai, thực hiện quy hoạch**

### **2.1. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chính đến năm 2015**

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề: Tính đến cuối năm 2013 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 39% (mục tiêu đề ra là 45%), tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 24,5% (mục tiêu đề ra là 33%). So với mục tiêu đề ra đến năm 2015 thì kết quả thực hiện đến hết năm 2013 đạt khá, tuy nhiên so với tỷ lệ bình quân của khu vực và cả nước, tỷ lệ này vẫn còn thấp.

- Số người xuất khẩu lao động: Từ năm 2011 đến hết năm 2013, trên địa bàn toàn tỉnh có 195 người đi xuất khẩu lao động, chỉ đạt 15,6% so với mục tiêu đến năm 2015, trung bình mỗi năm số lao động đi xuất khẩu lao động chỉ đạt 26% so với mục tiêu đề ra (250 người/năm).

- Nhân lực trình độ cao: Đến hết năm 2013 đã đào tạo mới 02 tiến sĩ, đạt 20% và 48 thạc sĩ, đạt 25,3% so với mục tiêu đến năm 2015 phục vụ cho các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, quản lý, khoa học công nghệ và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Đã tổ chức tuyển dụng theo hình thức thu hút được 10 Thạc sĩ và 08 cử nhân Đại học đạt loại giỏi vào làm việc tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh, đạt 18% so với mục tiêu đề ra. Như vậy, so với mục tiêu đề ra về đào tạo nhân lực trình độ cao và thu hút nhân lực vẫn còn đạt ở mức thấp.

- Nhân lực đặc thù: Trong giai đoạn 2011-2013 đã đào tạo nghề cho 7.508 lao động, đạt 28,3% so với mục tiêu đề ra đến năm 2015 là 26.500 lao động, trung bình mỗi năm đào tạo nghề cho lao động chỉ đạt 47,2% so với mục tiêu đề ra (5.300 người/ năm).

### **2.2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ cụ thể**

#### **2.2.1. Tình hình dân số, lao động; thực hiện đào tạo lao động đến năm 2015:**

- *Tình hình dân số, lao động:*

Chỉ tiêu	TH năm 2010	Dự báo năm 2015	Ước TH năm 2013	Ước TH so dự báo
Dân số (người)	442.715	509.998	473.345	92,81

Tỷ lệ lao động/DS (%)	56,79	59,79	68,06%	113,83
Tổng số lao động (người)	251.417	304.927	322.146	105,60
- Nam	126.463	153.378	161.260	105,14
- Nữ	124.954	151.549	160.886	106,16

- *Thực hiện đào tạo lao động đến năm 2015:*

Trình độ	TH năm 2010	Mục tiêu năm 2015	TH năm 2013	% hoàn thành mục tiêu
Chưa qua đào tạo	187.141	166.128	285.952	
Sơ cấp nghề	65.639	81.402	2.716	3,34
Trung cấp nghề	2.793	15.103	3.676	24,34
Cao đẳng nghề	559	3.172	632	19,92
TCCN	8.100	10.572	4.986	47,16
CD	4.742	8.820	5.037	57,11
ĐH	11.452	16.462	12.351	75,07
Trên ĐH	279	393	186	47,33

Năm 2010, tổng cung lao động trên địa bàn toàn tỉnh là 251.417 lao động, đến năm 2013 số lao động đã tăng lên 322.146 lao động. Qua điều tra, thống kê năm 2013, số người trong độ tuổi lao động chưa qua đào tạo lại tăng mạnh là 285.952 người, tăng 52,8% so với năm 2010 và vượt 72% so với mục tiêu đến năm 2015. Đây là tình trạng đáng báo động đối với nguồn nhân lực tỉnh nhà.

### **2.2.2. Nâng cao trình độ học vấn của nhân lực**

- Công tác phổ cập giáo dục được duy trì và ngày càng cải thiện về chất lượng. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi đã triển khai theo kế hoạch của UBND tỉnh, tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 97,9%, có 44/102 xã, phường, thị trấn đạt mục tiêu PCGDMN 5 tuổi được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ra quyết định công nhận (đạt tỷ lệ 43,14%). Tỷ lệ người từ 15-25 tuổi biết chữ đạt 99,34%, so với năm trước tăng 0,34%; tất cả 9/9 huyện, thành phố đều duy trì được kết quả PCGD tiểu học đúng độ tuổi và PCGDTHCS.

- Tiếp tục đẩy mạnh nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh DTTS giai đoạn 2008-2015 theo Nghị quyết 05/NQ/TU ngày 03/12/2007 của Ban thường vụ Tỉnh ủy.

- Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012 theo Quyết định số 20/2008/QĐ-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ được thực hiện có hiệu quả. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với học sinh diện chính sách, học sinh vùng đặc biệt khó khăn. Chất lượng giáo dục, chất lượng học lực của học sinh các cấp học phổ thông có sự chuyển biến rõ nét, tích cực. Số học sinh được xếp loại học lực khá, giỏi cuối năm học và thi tốt nghiệp THPT năm 2013 ngày càng tăng (tỷ lệ tốt nghiệp hệ THPT đạt 97,92%; tỷ lệ học sinh DTTS đỗ tốt nghiệp THPT đạt 93,05%).

- Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của các cấp, bậc học đều được đào tạo đúng chuẩn và có tỷ lệ trên chuẩn khá cao (ở bậc mầm non 42%, tiểu học 67,4%, THCS 43,9%, THPT 12,5%). Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đảm bảo về mặt số lượng để thực hiện nhiệm vụ hiện nay của ngành giáo dục và đào tạo tỉnh nhà.

- Chưa thu hút được các nhà đầu tư xây dựng Trường phổ thông chất lượng cao (tư thục) tại thành phố Kon Tum và huyện Đăk Hà; đã thành lập và xây mới Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành tại thành phố Kon Tum, đầu tư nâng cấp 03 trường thực hành sư phạm thành trường kiểu mẫu, chất lượng cao.

### 2.2.3. Nâng cao trình độ chuyên môn - kỹ thuật của nhân lực

- Đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật

+ Đối với đào tạo nghề:

Để định hướng nghề nghiệp cho các em học sinh cũng như làm thay đổi nhận thức học nghề là cơ hội để tìm kiếm việc làm cho bản thân, công tác phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở gắn với đào tạo nghề đối với học sinh lớp 9 được chú trọng triển khai.

Năm học	Tốt nghiệp THCS	Phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS					
		Chính quy THPT		Bỏ túc THPT		Học nghề và lao động tự do	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2012-2013	6.962	5.478	78,68	578	8,31	906	13,01
2013-2014	7.305	5.152	70,52	304	4,17	1.849	25,31

Về mạng lưới cơ sở dạy nghề, đến năm 2013, trên địa bàn toàn tỉnh có 10 cơ sở dạy nghề: 01 Trường Trung cấp nghề (Trường Trung cấp nghề Kon Tum), 09 Trung tâm dạy nghề (TTDN) (Trong đó có 01 TTDN tư thục). Ngoài ra, đã huy động 03 đơn vị khác có đủ điều kiện tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn như: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum; Trung tâm hỗ trợ Thanh niên; Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Sa Thầy. Về năng lực hoạt động: có 6 cơ sở dạy nghề thành lập trước năm 2011 đã đủ điều kiện và năng lực

đáp ứng được yêu cầu đào tạo nghề tại các địa phương; có 04 TTDN mới thành lập (TTDN Đăk Glei, TTDN Sa Thầy, TTDN tư thực Quốc Đạt - huyện Ngọc Hồi, TTDN và hỗ trợ Nông dân tỉnh Kon Tum) đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, hoàn thiện về cơ sở vật chất. Đến thời điểm hiện nay, có 08/09 huyện, thành phố đã có cơ sở dạy nghề, riêng huyện Tu Mơ Rông đã làm thủ tục từ năm 2010 nhưng chưa được thành lập.

Về đội ngũ giáo viên - cán bộ quản lý dạy nghề: Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề ngày càng được nâng lên, từng bước đáp ứng được yêu cầu. Đến cuối năm 2013 toàn tỉnh có 183 cán bộ quản lý giáo viên dạy nghề của các cơ sở (Cán bộ quản lý: 26 người; giáo viên dạy nghề 157 người). Đến thời điểm báo cáo có 05/09 huyện, thành phố (thành phố Kon Tum, Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi, Kon Plông) bổ sung biên chế cán bộ chuyên trách làm công tác dạy nghề.

+ Đối với trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.

Trên địa bàn tỉnh có 02 trường trung cấp chuyên nghiệp (Trung học Y tế, Trung cấp nghề), 02 trường Cao đẳng (Cao đẳng Sư phạm, Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật), 01 phân hiệu đại học (Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum) với nhiều chuyên ngành đào tạo về kinh tế, kỹ thuật, xây dựng, sư phạm, nông nghiệp - lâm nghiệp... Các trường thường xuyên có các chuyên ngành được liên kết đào tạo đại học, sau đại học đáp ứng yêu cầu đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- Đào tạo các nhóm nhân lực đặc biệt

+ Nhân lực cho các cơ sở đào tạo

**Đại học:** Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum hiện có 73 cán bộ, giảng viên (trong đó có 01 tiến sĩ, 16 thạc sĩ). Trong thời gian qua, để đáp ứng yêu cầu giảng dạy bậc đại học, nhà trường đã thu hút thêm 11 thạc sĩ, cơ bản đảm bảo quá trình giảng dạy của nhà trường.

**Cao đẳng:** Tính đến thời điểm hiện nay trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật có 140 giáo viên (có 47 thạc sĩ chiếm 33,6%, 01 nghiên cứu sinh). Nhìn chung, đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn và được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Tuy nhiên, vẫn chưa có cán bộ giáo viên được đào tạo ở trình độ tiến sĩ, đáp ứng theo yêu cầu về nhân lực tại các trường Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Cao đẳng Sư phạm có 84 giáo viên (03 tiến sĩ, 51 thạc sĩ, trong đó có 05 nghiên cứu sinh). So với năm 2010, số lượng giáo viên nhà trường đã giảm đi 12 giáo viên vì các lý do sau: một số giáo viên nghỉ hưu; một số giáo viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ xin chuyển công tác sang các ngành khác hoặc chuyển đến công tác tại tỉnh khác. Điều này khiến nhà trường gặp rất nhiều khó khăn trong việc xây dựng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu giảng dạy.

**TCCN và dạy nghề:** Trường Trung học Y tế có 28 giáo viên, nhân viên (trong đó có 02 thạc sĩ, 7 bác sĩ chuyên khoa I). Nhìn chung, đội ngũ giáo viên của trường đã đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Hầu hết các giáo viên đã được đào tạo

ng nghiệp vụ sư phạm bậc 1 và phương pháp dạy học và được đi đào tạo ngắn ngày, tập huấn chuyên môn, cập nhật chương trình, kiến thức mới.

Trường Trung cấp Nghề có số lượng giáo viên cơ hữu là 70 người (06 thạc sĩ). Trình độ của đội ngũ giáo viên cơ bản đạt chuẩn về trình độ đào tạo theo quy định của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Bên cạnh đó, giáo viên nhà trường thường xuyên tham gia các kỳ hội giảng giáo viên dạy nghề quốc gia, cấp tỉnh, tham gia các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Đội ngũ cán bộ- công chức - viên chức

Trong 02 năm 2012 và 2013 đã cử 523 công chức, viên chức đi đào tạo đại học và sau đại học, trong đó: đào tạo trình độ tiến sỹ: 02 người; thạc sỹ: 48 người; Đại học: 363 người, Cao đẳng: 01 người, Trung cấp: 100 người. Tổ chức bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho gần 4.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức và 2.690 đại biểu HĐND các cấp; đào tạo tiếng DTTS cho 476 lượt công chức, viên chức.

Thực hiện chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao theo chủ trương của tỉnh, trong 02 năm qua (2012-2013), đã tuyển dụng theo hình thức thu hút được 10 Thạc sỹ và 08 cử nhân Đại học loại giỏi vào làm việc tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh.

+ Đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Trong giai đoạn 2011-2013 đã đào tạo nghề cho 7.508 lao động, gồm các loại hình như: cao đẳng nghề, trung cấp nghề và đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Cụ thể tại bảng sau:

Giai đoạn	Cao đẳng nghề		Trung cấp nghề		Đào tạo nghề cho LĐNT	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2011-2013	21	0,28	708	9,42	6.779	90,3

Công tác đào tạo nghề đã tập trung vào các ngành nghề như: Nghề nông nghiệp gồm: trồng, chăm sóc và khai thác cao su; trồng, chăm sóc và khai thác cà phê; trồng lúa nước; trồng cây bời lời; chăn nuôi gia súc gia cầm...; Nghề phi nông nghiệp gồm: Công nghệ ô tô; Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm); vận hành điện trong nhà máy điện; văn thư hành chính; vận hành máy thi công nền; dệt thổ cẩm; đan lát; hàn; điện công nghiệp; may thời trang; du lịch cộng đồng góp phần đáp ứng theo nhu cầu của xã hội.

**2.2.4. Tạo việc làm, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tiến bộ và nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực**

- Trong những năm qua, thông qua việc đào tạo nghề và kết hợp các nguồn vốn vay ưu đãi như vốn vay giải quyết việc làm, vốn vay hộ nghèo, nhiều

hộ dân mạnh dạn đứng ra vay vốn để đầu tư phát triển các loại hình kinh tế bền vững, mở rộng sản xuất như chăn nuôi gia súc, gia cầm, góp phần khôi phục các ngành nghề truyền thống (đan lát, dệt thổ cẩm), hỗ trợ vốn cho các hộ gia đình mở rộng sản xuất, thu hút tạo việc làm cho nhiều lao động.

- Cùng với việc thực hiện Đề án phát triển các vùng kinh tế động lực tỉnh Kon Tum đến 2010, có tính đến 2020, việc hỗ trợ đào tạo nghề, tìm kiếm việc làm cho lao động tại các vùng kinh tế động lực được quan tâm thực hiện. Từ năm 2006 đến nay, tại 03 vùng kinh tế động lực, đã tổ chức đào tạo và dạy nghề cho khoảng 12.000 lượt người; Từ năm 2007 đến nay, thông qua chương trình vay vốn đã giải quyết cho 2.297 lao động nông thôn có việc làm ổn định. Lao động trên địa bàn ngày càng tăng số lượng và nâng cao chất lượng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu ban đầu về lao động của các doanh nghiệp, yêu cầu phát triển của các vùng kinh tế động lực và tham gia xuất khẩu lao động.

- Nâng cao năng suất lao động và sử dụng hiệu quả nhân lực.

Năng suất lao động của tỉnh Kon Tum tăng dần qua các năm, có sự chuyển biến rõ rệt trong ngành nông nghiệp (năm 2013 năng suất lao động ngành nông nghiệp ước tăng 64,15% so với năm 2010). Bên cạnh đó, đã có sự dịch chuyển lao động sang các ngành công nghiệp, dịch vụ. Trong năm 2013, trong cơ cấu kinh tế, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 25,16% năm 2012 lên 22,52%, ngành dịch vụ tăng từ 34,76% năm 2012 lên 36,44%. Điều đó đòi hỏi lao động phải có kỹ thuật cả về số lượng và chất lượng ngày càng cao để đáp ứng theo nhu cầu phát triển.

ĐVT: Triệu đồng/người

	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013 (ước tính)
NN	15,12	21,22	22,65	24,82
CN-XK	57,49	72,15	92,79	102,9
DV-K	42,51	49,73	67,85	80,16
Tổng	25,10	32,5	39,17	44,74

- Xuất khẩu lao động: Trong giai đoạn 2011-2013, trên địa bàn toàn tỉnh đã có 195 lao động được xuất khẩu đến các nước Malaysia, Đài Loan và Hàn Quốc, trong đó người dân tộc thiểu số là 143 người. Số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài giảm dần theo các năm do tình trạng chung của lao động Việt Nam tại Hàn Quốc bỏ trốn và cư trú bất hợp pháp nên thị trường này đã dừng tiếp nhận lao động của Việt Nam; Mức lương ở một số thị trường như Malaysia còn thấp, chưa thu hút lao động đăng ký tham gia; Một số doanh nghiệp xuất khẩu lao động thực hiện đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài không đúng quy trình gây tâm lý hoang mang, lo ngại đối với người lao động, gây ảnh hưởng đến công tác tuyên truyền đến người lao động.

### **3. Đánh giá chung**

#### **3.1. Thuận lợi**

- Được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp trên địa bàn toàn tỉnh từng bước được nâng cao về năng lực chuyên môn, năng lực quản lý và điều hành, được trang bị, bồi dưỡng chính trị, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của người cán bộ, công chức, viên chức trong công cuộc xây dựng đất và phát triển đất nước theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- Thông qua Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025 đã xác định được cụ thể định hướng phát triển, góp phần nâng cao trình độ học vấn nhân lực của tỉnh; phát triển giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số được chú trọng.

- Việc đào tạo nghề đã nâng cao được tỷ lệ lao động qua đào tạo chung và đào tạo nghề của tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhất là lực lượng lao động khu vực nông thôn và lực lượng lao động dân tộc thiểu số, đồng thời góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động. Sau học nghề người lao động có cơ hội tự chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, tự tạo việc làm tại chỗ thông qua canh tác, sản xuất các loại cây trồng, vật nuôi phục vụ cho việc phát triển kinh tế hộ gia đình. Ngoài ra, thông qua công tác tư vấn giới thiệu việc làm người lao động được giới thiệu đến làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Nhận thức của các cấp, các ngành, đặc biệt là nhận thức của người dân về vị trí vai trò công tác đào tạo nghề tăng lên rõ rệt.

#### **3.2. Khó khăn, tồn tại**

- Số giáo viên chuyên trách dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục, Tin học, Tiếng Anh ở cấp tiểu học còn ít, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Một bộ phận giáo viên vẫn chưa yên tâm công tác vì phải đến những nơi xa xôi, hẻo lánh, ảnh hưởng việc ổn định đội ngũ, nâng cao chất lượng giáo dục vùng khó khăn.

- Một số địa phương chưa thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về học nghề cho người lao động. Do đó hiệu quả công tác tuyên truyền chưa cao và chưa có sức lan tỏa sâu rộng để nhân dân biết các chính sách của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Cơ sở vật chất của các cơ sở dạy nghề hầu hết mới được thành lập trong những năm gần đây và đang trong giai đoạn đầu tư nên năng lực đào tạo chưa đáp ứng được so với nhu cầu. Hầu hết đã có tổ chức bộ máy nhưng còn thiếu, chưa bố trí đủ giáo viên theo yêu cầu, đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề trẻ, nhiệt huyết nhưng còn thiếu kinh nghiệm giảng dạy, nhất là công tác giảng dạy tích hợp.

- Trung ương chưa có chính sách hỗ trợ đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề. Do ngân sách của địa phương còn nhiều khó khăn nên chưa hỗ trợ được theo nhu cầu để đào tạo hệ trung cấp cho thanh niên trên địa bàn tỉnh (nhất là học viên thanh niên dân tộc thiểu số).



- Người lao động học nghề phi nông nghiệp để tạo việc làm mới và chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp nhu cầu còn thấp; nhu cầu học nghề nông nghiệp của lao động nông thôn có xu hướng giảm dần. Do đó, công tác tuyển sinh, tổ chức đào tạo nghề còn gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, độ tuổi của người học nghề không đồng đều, việc nhận thức về học nghề còn hạn chế, thời gian chuyên cần của người học nghề còn thấp.

- Công tác quy hoạch và xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ở một số địa phương, đơn vị chưa sát với thực tế; số lượng cán bộ, công chức, viên chức đạt kết quả thi đầu vào và được cử đi đào tạo sau đại học còn thấp so với các chỉ tiêu chủ yếu đã đề ra, chưa đạt được theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

### 3.3. Nguyên nhân của những tồn tại

- Công nghiệp, dịch vụ của tỉnh chậm phát triển; sản xuất quy mô nhỏ. Số lượng doanh nghiệp ít, số lao động được thu hút vào làm việc ở các doanh nghiệp hàng năm không đáng kể. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyên dịch chậm, do đó nhu cầu sử dụng lao động làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp là rất thấp.

- Đối với người học nghề: Trình độ học vấn thấp (*chủ yếu là bậc tiểu học*), nhưng độ tuổi bình quân lớn, chỉ học những nghề đơn giản, dễ học; vừa học nghề vừa phải lao động sản xuất theo mùa vụ, do đó ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề.

- Một số cấp ủy Đảng và chính quyền chưa quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo đối với công tác dạy nghề; chưa làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức của xã hội về dạy nghề.

- Người lao động sau khi học nghề vẫn chưa chủ động tìm việc làm, chưa xác định đúng đắn động cơ học tập, mục tiêu phấn đấu, tự thân vận động để ổn định cuộc sống.

- Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở đào tạo trong tỉnh để nắm bắt được nhu cầu lao động của doanh nghiệp, trên cơ sở đó có hướng đào tạo cho lao động nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

## II. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN QUY HOẠCH THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền Quy hoạch Phát triển nhân lực tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020, Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27-11-2009 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản liên quan về phát triển nhân lực đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, các ban ngành, đoàn thể, các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh và người dân nhằm nâng cao nhận thức trong công tác phát triển nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, góp phần định hướng nghề nghiệp, nhằm giúp người dân nhận thức được học nghề là cơ hội việc làm cho bản thân, ổn định thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục ở bậc phổ thông; thực hiện có hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học để hướng nghiệp, thay đổi nhận thức về học nghề theo hướng tích cực.

3. Rà soát, hoàn thiện các chính sách của tỉnh về thu hút cán bộ, sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, lao động có tay nghề thợ bậc cao, cán bộ khoa học, cán bộ quản lý giỏi về công tác tạo tỉnh.

4. Phát triển hoàn thiện mạng lưới cơ sở dạy nghề, đảm bảo các điều kiện để hoạt động; tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy nghề theo quy định; xây dựng, biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu học nghề phù hợp với thời gian đào tạo và nhu cầu học nghề.

5. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về xuất khẩu lao động đến người dân, tạo sự tin tưởng ở người dân trong quá trình tìm hiểu và đăng ký xuất khẩu lao động.

6. UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch về phát triển đội ngũ cán bộ cấp huyện, cấp xã của địa phương mình, định kỳ kiểm tra thực hiện kế hoạch, báo cáo theo quy định.

7. Thúc đẩy liên kết giữa các cơ sở đào tạo và các doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước liên quan trong việc đào tạo và sử dụng lao động. Từ đó có hướng đào tạo, dạy nghề theo yêu cầu của doanh nghiệp.

8. Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp với các thành viên Hội đồng triển khai cụ thể nhiệm vụ của từng ngành là thành viên của Hội đồng để Quy hoạch được triển khai cụ thể, đạt mục tiêu đề ra trong thời gian tới, đặc biệt là xây dựng kế hoạch thực hiện các năm 2014, năm 2015 và kế hoạch 5 năm (2016-2020) theo ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

9. Triển khai Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu đánh giá phát triển nhân lực phục vụ giám sát và đánh giá thực hiện Quy hoạch và Chiến lược phát triển nhân lực thời kỳ 2011- 2020./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Thành viên HĐPTNL tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, HĐ.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH**  
**Lê Thị Kim Đơn**